

Số: 64/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI**

Căn cứ khoản Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 130/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn T, sinh năm 1975;

- Bà Trần Thị T1, sinh năm 1975

Cùng cư trú: Tổ B, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T và bà Trần Thị T1 tự nguyện đến với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã T) tỉnh Quảng Ngãi ngày 19/5/2001. Kết hôn được thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cả hai đã cho nhau nhiều cơ hội để cùng nhau xây dựng gia đình và chăm sóc con cái nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa nên anh T, chị T1 thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn T và bà Trần Thị T1 có 03 con là cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 17/12/2002, cháu Nguyễn Thị Minh T2, sinh năm 04/12/2007 và cháu Nguyễn Thị Minh T3, sinh năm 08/4/2012; Cháu D và cháu T2 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn ông T, bà T1 thống nhất thỏa thuận giao cháu T3 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn T và bà Trần Thị T1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, ông Nguyễn T và bà Trần Thị T1 tự nguyện cùng chịu.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận giữa ông Nguyễn T và bà Trần Thị T1 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T và bà Trần Thị T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn T và bà Trần Thị T1 có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 17/12/2002, cháu Nguyễn Thị Minh T2, sinh năm 04/12/2007 và cháu Nguyễn Thị Minh T3, sinh năm 08/4/2012; Cháu D và cháu T2 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn ông T, bà T1 thống nhất thỏa thuận giao cháu T3 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn T và bà Trần Thị T1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình ông Nguyễn T và bà Trần Thị T1 phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001591 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ngãi;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- UBND xã Trà Giang, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Như